

BÀN VỀ MỘT SỐ MOTIF TRONG TRUYỆN DÂN GIAN GẮN VỚI LỄ HỘI CHÔL CHNĂM THMÂY CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Trần Thanh Tuấn

Người Khmer Nam Bộ có nền văn hóa hết sức đa dạng và phong phú được lưu giữ qua nhiều thế hệ và lễ hội là một trong những nét văn hóa đặc sắc tạo nên văn hóa đặc trưng của người Khmer Nam bộ. Như tết Nguyên Đán của người Việt, Chôl Chnăm Thmây là Lễ hội đánh dấu sự khởi đầu một năm mới của người Khmer. Trong Lễ hội Chôl Chnăm Thmây có Lễ rước đại lịch (Mahasangkran) được tổ chức vào ngày đầu tiên của lễ Chôl Chnăm Thmây, vào ngày 13 Khe chét (tức ngày 13 tháng tư dương lịch). Ngày này được tính theo lịch của người Khmer. Theo quan niệm của đồng bào Khmer, tháng tư là điểm giao thời giữa mùa nắng và mùa mưa. Cỏ cây trở lại tươi tốt và thiên nhiên trở dậy sức sống. Chính sự thay đổi, bùng lên của thiên nhiên đã được mọi người quan niệm như sự khởi đầu của một năm mới. Việc tổ chức lễ Chôl Chnăm Thmây xuất phát từ mục đích cầu xin mùa khô qua mau để có thể bắt đầu mùa vụ mới.

1. Những truyện dân gian liên quan đến lễ hội Chôl Chnăm Thmây

1.1 Truyện dân gian giải thích lễ rước Đại lịch, lễ tống tiễn năm cũ và chào đón năm mới

Theo Sơn Phước Hoan và Sơn Ngọc Cang (trong cuốn *Chuyện kể Khmer* – NXB Giáo dục, 1995), nguồn gốc hình thành lễ rước Đại lịch, lễ tống tiễn năm cũ và chào đón năm mới còn được giải thích bằng câu chuyện huyền thoại về sự thắng thế của Phật giáo đối với Bà La Môn giáo:

Chuyện kể rằng ngày xưa, có một cậu bé tên là Thommabal rất thông minh. Bảy tuổi đã đem sự hiểu biết của mình truyền bá cho mọi người, dân chúng rất thán phục và thích nghe cậu thuyết giảng. Tiếng đồn về tài trí của Thommabal chẳng mấy chốc vang đến thượng giới. Các vị thiên thần cũng xuống trần gian xin nghe Thommabal thuyết giảng. Do vậy, những buổi thuyết giảng của thần Kabul Maha Prum trên thượng giới ngày càng vắng vẻ. Thần Kabul Maha Prum vốn rất có uy trên thượng giới, nay nghe ở trần gian có kẻ hơn mình, thần tức giận. Thần cho gọi hết các thiên thần trở về, không cho xuống trần gian nghe thuyết giảng. Đồng thời thần tìm cách hãm hại Thommabal. Thần đặt ra ba câu hỏi và bắt Thommabal trả lời trong vòng bảy ngày.

- Câu thứ nhất: Buổi sáng cái duyên con người ở đâu?

- Câu thứ hai: Buổi trưa cái duyên con người ở đâu?

- Câu thứ ba: Buổi tối cái duyên con người ở đâu?

Thommabal suy nghĩ suốt ngày, đêm mà vẫn không tìm được câu giải đáp. Đến ngày thứ sáu, chàng đi lang thang mệt mỏi, thất vọng, ngồi nghỉ dưới cây thốt nốt, tình cờ nghe được lời giải từ hai con chim đại bàng. Đúng hẹn, thần Kabul Maha Prum tay cầm gương vàng, đáp xuống gặp Thommabal. Chàng trả lời đúng câu hỏi của thần Kabul Maha Prum:

- Sáng, duyên của con người ở trên

mặt, nên ngủ dậy người ta phải rửa mặt cho tươi tỉnh.

- Trưa, duyên con người ở trên ngực, nên người ta phải tắm cho mát.

- Tối, duyên con người ở dưới chân, nên người ta rửa chân trước khi đi ngủ.

Thua cuộc, thần tự cắt đầu mình, tự sát. Trước khi cắt, thần căn dặn những người con gái của thần hãy để đầu thần trên một khay vàng và đặt tại tháp trên núi Pre sô me. Bởi, nếu để đầu người rơi xuống biển, biển sẽ cạn, nếu để đầu người trên không thì trời không mưa, nếu để đầu xuống đất, thì đất sẽ khô cằn, cỏ cây không mọc được. Từ đó về sau, hàng năm cứ đến ngày thần cắt đầu, bảy cô gái xuống trần gian, vào tháp, bưng mâm đầu của cha lên núi, rồi đi vòng quanh chân núi ba lần theo hướng mặt trời mọc. Đó chính là ngày vào năm mới (Chôl Chnăm Thmây) của người Khmer.

1.2 Sự tích đắp núi cát trong Lễ hội Chôl Chnăm Thmây

Trong Lễ hội Chôl Chnăm Thmây còn có lễ tục gọi là tục đắp núi cát. Trong văn học dân gian có nhiều câu chuyện liên quan đến *Sự tích đắp núi cát*.

Ngày xưa, theo quan niệm của Bà La Môn giáo, người Khmer đắp chín núi, một núi ở giữa là núi Tu Di gọi là trung tâm của thế giới, tám núi xung quanh theo bốn phương tám hướng của vũ trụ, tượng trưng cho tất cả các đại sơn của khoa thiên văn Ấn Độ. Đến khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, nguồn gốc của lễ đắp núi cát trong những ngày lễ Chôl Chnăm Thmây được giải thích bằng câu chuyện liên quan đến Phật giáo: Núi cát tượng trưng cho ngôi tháp ở tầng trời thứ ba, nơi cất giữ mớ tóc của Phật Thích Ca lúc bỏ nhà đi tìm thầy học đạo. Mỗi hạt cát do tín đồ đắp lên thành núi sẽ giải thoát được một kẻ có tội ở thế gian. Vì

thế, người Khmer rất hăng hái đắp núi cát, để mong Đức Phật thấy sự khổ cực của mình mà ban phước lành cho. Người Khmer còn gọi lễ đắp núi cát là “phúc duyên đắp núi cát” (Anisoong pun phnum khsách).

Lễ này còn được giải thích bằng một câu chuyện khác cũng liên quan đến Phật giáo: Chuyện kể về một người làm nghề săn bắt, từ trẻ đến già đã giết hại quá nhiều muông thú nhưng ông được một nhà sư hướng dẫn tích phước bằng cách đắp nhiều núi cát trong một ngôi chùa gần nơi ông ở. Về già, ông thường xuyên đau ốm, do bị ám ảnh bởi bầy thú vây quanh hành hung, đòi nợ oan nghiệt. Nhờ ông đã tích phước trong việc đắp nhiều núi cát, ông tỉnh táo bảo bọn muông thú hãy đếm hết những hạt cát từ núi mà ông đã đắp, trước khi đến đòi nợ ông. Bọn thú đồng ý. Chúng cùng nhau đi đếm nhưng không tài nào đếm hết. Chán ngán, chúng bỏ đi và người thợ săn hết bệnh. Từ đó, ông cố gắng tích đức bằng cách làm việc thiện cho đến khi chết được lên thiên đàng.

Ngoài các nguồn gốc trên, ở Sóc Trăng còn lưu truyền một truyền thuyết giải thích nguồn gốc ra đời của lễ đắp núi cát. Truyền thuyết kể rằng: ngày xưa, con người vốn ăn thịt và sát sinh nhiều thú vật. Cho nên có những con thú lên trời thưa với Đế Thích. Đế Thích bèn gọi con người lên hỏi tội. Con người chọn ra một người đại diện, rất thông minh lên Trời để trả lời những câu hỏi của Đế Thích. Đế Thích thấy phù hợp, ông khuyên bảo bầy thú và bầy thú không dám thưa kiện nữa. Đế Thích cũng khuyên bảo con người: nếu con người do sinh tồn phải làm nhiều chuyện sát sinh mà muốn trở thành người tốt, có sức khỏe để làm nhiều việc thiện lành thì mỗi năm phải

đắp núi cát một lần. Núi cát là để giảm trừ đi quả báo của con người, để cầu siêu cho những linh hồn mà mình đã sát sinh và xin phước báo cho chính người đắp, mỗi hạt cát được đắp là một điều phước cho con người. Núi cát có rất nhiều hạt cát, cho nên càng đắp được nhiều núi cát thì càng tích được nhiều phước cho bản thân, rửa được những tội lỗi đã gây nên. Đắp núi cát là phải thành tâm, thành ý, đắp bằng cả tấm lòng của mình thì mới mong xóa được những tội lỗi đã gây nên.

2. Một số motif trong truyện dân gian gắn với Lễ hội Chôl Chnăm Thmây của người Khmer Nam Bộ

2.1. Motif ra câu đố và trả lời câu đố

Sự tích Chôl Chnăm Thmây có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người Khmer. Bởi đây là Sự tích giải thích nguồn gốc lễ hội quan trọng bậc nhất trong năm của người Khmer. Hơn thế nữa Sự tích này phản ánh quan niệm về vũ trụ luận của người Khmer xưa (mặc dầu còn thô sơ). Nòng cốt của truyện này chính là motif *ra câu đố và giải câu đố* nhằm đề cao trí thông minh của con người trước sức mạnh của thế giới tự nhiên. Cậu bé Thommabal bằng trí tuệ của mình đã chiến thắng vị thần tối cao Kabuġ Maha Prum - thần bốn mặt trên cả hai phương diện: Thuyết pháp và giải câu đố.

Câu đố của thần tối cao Kabuġ Maha Prum tượng trưng cho sự thách đố của thần thánh đối với con người. Đó chính là “thế lực” luôn được con người sùng bái tôn thờ. Cậu bé bảy tuổi tượng trưng cho sự nhỏ bé của con người trước quyền năng tối thượng của thần linh. Thế nhưng cuối cùng con người đã chiến thắng.

Việc giải đố, Sự tích này cũng đặt ra tình huống thú vị. Câu đố của thần tối cao

Kabuġ Maha Prum ra cho Thommabal:

- Câu thứ nhất: Buổi sáng cái duyên con người ở đâu?

- Câu thứ hai: Buổi trưa cái duyên con người ở đâu?

- Câu thứ ba: Buổi tối cái duyên con người ở đâu?”

Đây thực chất là một câu đố không có lời giải đáp duy nhất đúng như một bài toán mà là một câu đố đòi hỏi một sự biện luận trong câu trả lời. Việc giải đố tùy thuộc vào vốn văn hóa và việc biện luận để nhằm thuyết phục người đưa ra câu đố. Ban đầu cậu bé cậu bé chịu thua sự thông thái của thần linh, nhưng sau đó nhờ sự mách bảo của loài chim cậu bé đã giải đáp được. Câu trả lời là:

- *Sáng, duyên của con người ở trên mặt, nên ngủ dậy người ta phải rửa mặt cho tươi tỉnh.*

- *Trưa, duyên con người ở trên ngực, nên người ta phải tắm cho mát.*

- *Tối, duyên con người ở dưới chân, nên người ta rửa chân trước khi đi ngủ.*

Motif *ra câu đố và trả lời câu đố*, xuất hiện phổ biến trong kho tàng truyện cổ dân gian của thế giới và Việt Nam. Nổi tiếng trong truyện Hi Lạp cổ đại là truyện về câu hỏi nổi tiếng của Sphinx (Nhân sư Sphinx, sinh vật vốn là một con quỷ với đầu và bộ ngực phụ nữ, thân của sư tử, cánh của đại bàng và chót đuôi rắn. Sphinx dịch ra trong tiếng Ả Rập nghĩa là “Cha đẻ của nỗi sợ hãi”): “*Sinh vật có một tiếng nói, bốn chân vào buổi sáng, hai chân vào buổi chiều, ba chân vào buổi tối*”. Trả lời sai sẽ bị Sphinx ăn thịt. Nhà vua Oedipus đã trả lời đúng. Sphinx đặt câu thứ hai: “*Hai chị em, một sinh ra thì một qua đời, họ là ai?*”. Oedipus đã trả lời đúng lần thứ hai (đáp án là ngày và đêm, cả hai từ đều là giống cái trong tiếng Hy Lạp) và Sphinx giận quá, đã tự

sát bằng cách tự ăn thịt chính mình.

Có thể thấy điểm chung giữa câu đố của thần tối cao Kabul Maha Prum và Nhân sư Sphinx chính là suy tư của con người về thời gian của đời người trên dòng miên viễn của vũ trụ. Tính tượng trưng trong câu hỏi của thần tối cao Kabul Maha Prum đó chính là ba giai đoạn của đời người, buổi sáng tượng trưng cho việc con người mới sinh ra, buổi trưa chính là giai đoạn trưởng thành, buổi tối chính là lúc con người về già. Thế nên câu đố ấy giàu tính triết lí, phản ánh những trần trở của con người trên hành trình tìm đến giá trị sống cũng như ý nghĩa sống của mình trên cõi đời này. Phật giáo có thể nói là tôn giáo có những triết lí sâu sắc về vấn đề này. Chính điều đó, Phật giáo có điều kiện đi sâu, chiếm lĩnh đời sống tinh thần của người bình dân. Vì thế sự tích này còn phản ánh hiện thực đời sống tinh thần của người người Khmer Nam Bộ, đó chính là sự đấu tranh gay gắt giữa Phật giáo và Bà La Môn giáo. Việc các thiên thần, người trần gian đều thích nghe Thommabal giảng thuyết và hành động thần Kabul Maha Prum (còn gọi là Brahma, đây là vị thần tối cao của Bà La Môn giáo) tự chặt đầu không chỉ thể hiện sự thắng thế của Phật giáo trong xã hội Khmer lúc bấy giờ mà còn thể hiện sự bình đẳng trong chúng sinh, không phân biệt đẳng cấp như trong quy định của Bà La Môn giáo trước đây.

2.2 Cổ mẫu “Nước” trong lời đáp của cậu bé Thommabal

Trong câu trả lời của Cậu bé Thommabal có yếu tố hạt nhân là *Nước*. Trong quan niệm cổ sơ của nhân loại, Nước là cổ mẫu quan trọng gắn liền với tính ngưỡng thờ Nước, thậm chí gắn với những yếu tố bùa chú ma thuật. Trong quan niệm của người Khmer, Nước có

khả năng thanh tẩy, thế nên việc tạo nên vẻ đẹp con người “duyên con người” đều liên quan đến Nước (rửa mặt, rửa ngực, rửa chân). Thực tế một trong những nghi thức quan trọng được thực hiện trong lễ Chôl Chnăm Thmây vào ngày thứ ba “*Ví-ré Long-săk*” là ngày lễ “*Tắm tượng Phật, tắm sư sãi*”. Cũng như những ngày trước đó, sau khi dâng cơm sáng và trưa cho các vị sư, mọi người đem nước ướp hương thơm cùng nhau đem đến bên bàn thờ Phật để làm lễ tắm tượng Phật. Đầu tiên là tắm cho tượng Phật lớn nhất được đặt ở chính điện, sau đó là các tượng Phật có kích thước nhỏ hơn, kế tiếp là tắm cho các vị sư cao niên.

Xong lễ tại chùa, người dân còn mời các vị sư đến các ngôi tháp dựng hài cốt của người thân mình để làm lễ cầu siêu, gọi là “*Băng Skôl*” cho vong linh những người đã khuất. Tuy nhiên nhiều chùa còn tổ chức lễ cầu siêu chung cho tất cả những người đã khuất một lần tại ngôi Sala hay tại ngôi tháp tập thể. Cuối cùng, họ về nhà làm lễ tắm tượng Phật thờ tại nhà, xong thì tắm cho ông bà cha mẹ để tạ lỗi, xin được tha thứ những lỗi lầm, thiếu sót trong năm cũ, rồi đem bánh trái, tiền, quà dâng cho ông bà, cha mẹ.

Như vậy có thể thấy “Nước” đóng vai trò quan trọng trong quan niệm của người Khmer. Nước có thể rửa sạch những rủi ro bất hạnh cũng như có sức mạnh thần kỳ xua đuổi tà ma, đồng thời đem lại may mắn và hạnh phúc cho con người. Cũng vì thế mà không riêng người Khmer ở Nam Bộ mà trong cách đón mừng năm mới của các nước Đông Nam Á như Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, nước trong lễ hội “*té nước*” được sử dụng thay cho những lời chúc tốt đẹp, nước thể hiện sự tôn trọng những bậc cao niên, nước như lời đón chào nồng nhiệt đến những người

không quen biết để cùng nhau hòa đồng vào lễ hội té nước vui nhộn trên khắp phố phường...

Bên cạnh đó trong truyện còn có chi tiết thần Kabuġ Maha Prum dặn dò con gái không được đặt đầu mình xuống biển vì biển sẽ cạn, nếu tung đầu lên không thì sẽ không có mưa, nếu để đầu trên mặt đất thì mặt đất sẽ khô hạn. Chi tiết này cho thấy ngoài ý nghĩa tôn giáo, cổ mẫu Nước trong câu chuyện còn gắn liền với đời sống nông nghiệp của người dân Khmer. Với cư dân nông nghiệp thì nước có vai trò cực kì to lớn “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” thế nên chi tiết trong truyện vừa phản ánh tâm lí tôn sùng vai trò của nước đồng thời cũng hé lộ tâm lí lo sợ những thiên tai đến từ nước (lũ lụt, hạn hán).

2.3 Motif ngọn núi thiêng

Núi Tu Di (Meru), ngọn núi năm đỉnh linh thiêng trong vũ trụ học của Ấn Độ giáo, và Phật giáo. Núi Tu Di được coi là trung tâm của tất cả các vũ trụ vật chất, siêu hình, tâm linh và là trục của thế giới. Nhiều vị thần đều có thiên quốc của họ trên núi Tu Di. Ngọn núi thiêng này đã xuất hiện trong nhiều truyện kể của Ấn Độ Giáo và Phật giáo.

Trong Ấn Độ giáo, thần Vishnu tối cao ngự trên đỉnh núi cao nhất. Các vị thần khác, tùy theo mức độ đẳng cấp, ngự ở những đỉnh núi cao thấp khác nhau trong dãy Tu Di. Mặt khác, theo người Ấn Độ cổ, ngọn núi vũ trụ này còn được đặt trên lưng một con rùa vũ trụ gọi là Kurma-avatara (là hóa thân của thần Vishnu). Rùa Kurma là giá đỡ vững chắc của ngọn núi Tu Di khi thần Deva và Asura tiến hành đánh biển sữa để tìm ra các bảo vật và thuốc trường sinh Amrita. Tu Di là một biểu tượng có nguồn gốc trong văn hóa Hindu, sau đó ảnh hưởng

đến Phật giáo Ấn Độ. Hình ảnh núi Tu Di, theo sự lan tỏa của hai tôn giáo này, mà truyền nhập khắp thế giới Đông Á, có mặt trong nhiều lãnh thổ quốc gia như Mi-an-ma, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Lào, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam.

Thế nên trong những truyện liên quan đến tục đắp núi cát trong ngày lễ Chôl Chnăm Thmây biểu tượng núi thiêng Tu Di đã được người Khmer mô hình hóa trong tục đắp núi cát trong năm mới. Để đắp núi cát, người ta dùng cát sạch đổ thành đồng bên ngoài hành lang trước sân chùa. Theo sự hướng dẫn của các vị Achar, người ta lấy cát đắp 9 ngọn núi nhỏ gồm 8 ngọn ở 8 hướng và 1 ngọn ở chính giữa. Ngọn chính giữa tượng trưng cho trung tâm bốn phương, tám hướng. Việc đắp núi cát ở chùa đối với người Khmer trong ngày lễ Chôl Chnăm Thmây nhằm thể hiện công sức, lòng thành của người tham gia đắp. Trước đây, cát dùng để đắp núi được người Khmer giữa trưa nắng lặn lội xuống sông hoặc ra ngoài đồng gánh về đổ trong sân chùa. Việc đắp núi cát còn thể hiện ước mơ, mong cầu cho năm mới trở nên giàu có, của cải chất cao như núi.

Lễ đắp núi cát được tổ chức vào chiều ngày thứ hai của lễ Chôl Chnăm Thmây. Người Khmer tìm cát sạch đem đến đổ thành đồng chung quanh chánh điện. Số lượng núi cát được đắp ở các chùa Khmer không giống nhau (đắp 9 núi, 7 núi hoặc 4 núi). Người Khmer chọn một khoảng sân rộng, cắm 5 cây lọng nhỏ, 4 cây ở bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc, 1 cây ở giữa. Đến giờ sư cả ấn định, tiếng trống chùa vang lên, người Khmer đốt đèn cầy cắm xung quanh chân lọng, họ dùng lon, thúng nhỏ xúc cát đổ vào giữa. Vừa xúc, họ vừa cầu nguyện trời, Phật phù hộ làm

ăn phát tài, mạnh khỏe suốt năm. Mỗi người đổ một ít, dần dần thành đồng cao, gọi là núi, chân núi sát bốn chân lọng

Trong truyện *Sự tích Chôl Chnăm Thmây*, việc thần tối cao Kabuĕl Maha Prum yêu cầu các con của mình đặt đầu của mình trong tháp trên ngọn núi Pre sô me, nơi người trần không chạm đến được. Ngọn núi Pre sô me chính là hình ảnh mang tính biểu tượng về ngọn núi thiêng trong văn hóa Bà La Môn giáo.

2.4 Motif luân hồi nhân quả của Phật giáo

Phật giáo quan niệm vòng sinh tử luân hồi của con người tồn tại vô thủy vô chung. Khi chết đi, phần xác mất nhưng linh hồn vẫn còn và sẽ tái sinh trong một hình hài mới và vòng tuần hoàn ấy cứ miên viễn bất tận. Những tín đồ thuần thành luôn tin rằng việc quy y tam bảo (Phật – Pháp – Tăng) sẽ giúp thoát khỏi luân hồi, đưa linh hồn về cõi Tây Phương cực lạc. Thế nên thuyết luân hồi lại có mối quan hệ mật thiết với thuyết nhân quả. Nếu kiếp này làm nhiều điều thiện lành (gieo nhân tốt) thì khi mất đi sẽ được đầu thai vào kiếp người trở lên mà không bị đọa vào cõi súc sinh, ngạ quỷ hay địa ngục (nhận quả lành). Ngược lại nếu gieo nhân xấu ở kiếp này thì kiếp

sau sẽ gặp nhiều điều khổ đau bất hạnh. Thế nên Phật giáo quan niệm cần phải tích đức trong hiện tiền để mưu cầu niềm hạnh phúc an nhiên ở kiếp sau.

Những câu chuyện giải thích tục đắp núi cát của người Khmer như đã trình bày ở trên đều nhằm minh chứng thuyết luân hồi nhân quả. Người hành nghề săn bắt, giết hại nhiều loài thú (gieo nhân ác) thế nên bị linh hồn bọn thú quấy nhiễu hoặc bị kiện lên Đế Thích (quả dữ). Để khắc phục, con người phải tích đức (gieo nhân lành) để trong kiếp lai sinh được hưởng phước báo. Thế nên, việc đắp núi cát còn nhằm tích góp công đức, đắp mỗi hạt cát là có thể rửa được một tội lỗi đã gây ra trong một năm qua.

3. Kết luận

Những truyện dân gian liên quan đến Tết cổ truyền của đồng bào Khmer Nam Bộ là những bài học về cách sống, lối sống cho người Khmer theo triết lý đạo Phật. Tết Chôl Chnăm Thmây là dịp để Phật tử thể hiện tâm niệm của mình với Đức Phật, với ông bà cha mẹ mình. Tuy nhiên qua những phân tích trên, chúng ta còn nhận thấy ẩn tàng trong những motif là nhân sinh quan, vũ trụ quan của người Khmer xưa hết sức sâu sắc đầy tính minh triết.

Tài liệu tham khảo

[1] La Mai Thi Gia – *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian, lý thuyết và ứng dụng* – NXB Văn hóa – Văn nghệ - 2018.

[2] Sơn Phước Hoan – Sơn Ngọc Cang - *Chuyện kể Khmer* (song ngữ), tập 4, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.

[3] Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ, *Văn học Dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

[4] Phạm Thu Yến – *Phân tích tác phẩm Văn học dân gian theo đặc trưng thể loại* – NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013.